

## Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ

### Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Ưu việt 2013

Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Ưu việt 2013 là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế để Quý khách chủ động xác định nhu cầu bảo hiểm với quyền lợi bảo hiểm đa dạng và phương thức đóng phí bảo hiểm chủ động, linh hoạt.

Sản phẩm phù hợp cho:

- Quý khách muốn được bảo hiểm lâu dài cho bản thân và gia đình.
- Quý khách muốn có kế hoạch tích lũy tài chính ổn định và lâu dài cho bản thân và gia đình.
- Quý khách muốn chủ động kế hoạch đóng phí bảo hiểm một cách linh hoạt và phù hợp với điều kiện tài chính.

**Bên mua Bảo hiểm (BMBH) :** NGUYỄN VĂN A

Tuổi : 30

Giới tính : NAM

Tài liệu soạn thảo và trình bày bởi Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) :


Điện thoại liên lạc :


Mã số ĐDKD :


Văn phòng ĐDKD :

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”) hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khoẻ theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh. Vốn điều lệ gần 1.324 tỷ đồng.

Trụ sở chính: Tầng 21 Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

 (84-28) 3827 8989

 (84-28) 3827 8123

 (84-28) 3821 9000

 [chubblife.vietnam@chubb.com](mailto:chubblife.vietnam@chubb.com)

 <http://life.chubb.com/vn>

**I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM (NDBH)**

Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp
NGUYỄN VĂN A	NAM	01/01/1988	30	2

**II. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM THAM GIA**

Sản phẩm bảo hiểm chính	Điều kiện BH	Mệnh giá Sản phẩm (đồng)	Phí BH cơ bản (đồng) (*)	Tuổi đáo hạn NDBH
Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Ưu việt 2013	S/S	500.000.000	7.600.000	99

**Phí BH dự kiến đóng theo kỳ (\*):** 7.600.000 đồng **Theo Định kỳ đóng phí:** Năm

STT	Sản phẩm bảo hiểm bổ sung	Điều kiện BH	Mệnh giá Sản phẩm (đồng)	Phí BH theo kỳ (đồng)	Định kỳ đóng phí	Thời hạn BH (năm)
1	Bảo hiểm Tử kỳ đến tuổi 60	S/S	100.000.000	510.000	Năm	30
2	Bảo hiểm Tử vong và Bệnh hiểm nghèo	S/S	100.000.000	882.000	Năm	1 năm và có thể gia hạn từng năm
3	Bảo hiểm Tử vong do Tai nạn	S/S	100.000.000	200.000	Năm	1 năm và có thể gia hạn từng năm
4	Bảo hiểm Tử vong và Tàn tật do Tai nạn	S/S	100.000.000	275.000	Năm	1 năm và có thể gia hạn từng năm
5	Bảo hiểm hỗ trợ nằm viện	S/S	100.000	120.000	Năm	1 năm và có thể gia hạn từng năm

**Tổng Phí BH theo kỳ của sản phẩm bảo hiểm bổ sung:** 1.987.000 đồng

**Tổng Phí BH theo kỳ đóng năm đầu của HDBH:** 9.587.000 đồng **Theo Định kỳ đóng phí:** Năm

**TUỔI CHUYỂN ĐỔI SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH: 50**

*Lưu ý: Trường hợp Quý khách không lựa chọn tuổi chuyển đổi Sản phẩm bảo hiểm chính thì vào Ngày đáo niên ngay sau khi NDBH đạt 70 tuổi, sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Ưu việt 2013 sẽ tự động chuyển thành sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Phổ thông 2013 với Mệnh giá Sản phẩm mới bằng Mệnh giá Sản phẩm cộng với GTTKHD, tại ngày chuyển đổi.*

### III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

#### **Lưu ý cho phần minh họa về phí bảo hiểm, phân bổ phí bảo hiểm, Quyền lợi Bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư:**

- Mục đích của phần minh họa về phân bổ phí bảo hiểm, Quyền lợi Bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư dưới đây nhằm giúp Quý khách hiểu được Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) thay đổi như thế nào với các lãi suất giả định 8%, 6% và chỉ có tính chất minh họa.
- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung.
- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán theo Điều kiện Bảo hiểm nêu ở trang 2, trong đó S/S là điều kiện chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.
- Số lần rút tiền mặt và số tiền rút ra có thể làm thay đổi Mệnh giá Sản phẩm chính, kế hoạch đóng phí và lãi phát sinh cho GTTKHD. Khi nhu cầu bảo hiểm thay đổi, BMBH có thể yêu cầu tăng/giảm Mệnh giá Sản phẩm trong tương lai.
- Quyền lợi tử vong là quyền lợi bảo hiểm chính của HDBH. Trong trường hợp NĐBH nhỏ hơn 4 tuổi, Quyền lợi tử vong sẽ được điều chỉnh giới hạn theo tuổi NĐBH được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HDBH.
- Các giá trị trong Bảng minh họa với lãi suất đảm bảo được đảm bảo. Lãi suất đảm bảo là mức lãi suất tối thiểu mà Chubb Life cam kết áp dụng cho GTTKHD, bất kể kết quả hoạt động đầu tư từ Quỹ Liên kết chung. Lãi suất đảm bảo cam kết được áp dụng là 4%/năm trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên, 3%/năm trong năm 5 Năm hợp đồng tiếp theo và 2%/năm trong những Năm hợp đồng còn lại.
- HDBH sẽ chấm dứt Hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn hoặc bằng “Không” đồng.

**BẢNG MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ**

<b>MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/Năm</b>								<b>Đơn vị tính: nghìn đồng</b>
<b>Năm HD</b>	<b>Tuổi NĐBH</b>	<b>Phí BH dự kiến /Năm</b>	<b>Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)</b>	<b>Khoản Khấu trừ trong Năm HD (*)</b>	<b>GT Tài khoản</b>	<b>GT Hoàn lại (*)</b>	<b>Quyền lợi tử vong</b>	<b>Rút tiền mặt</b>
1	31	7.600	1.900	993	1.016	-	501.016	-
2	32	7.600	6.612	1.015	7.181	-	507.181	-
3	33	7.600	6.840	1.048	14.050	6.450	514.050	-
4	34	7.600	7.068	1.097	21.664	14.064	521.664	-
5	35	7.600	7.144	1.152	29.911	22.311	529.911	-
6	36	7.600	7.296	1.212	38.929	32.849	538.929	-
7	37	7.600	7.372	1.266	48.684	44.124	548.684	-
8	38	7.600	7.372	1.337	59.146	56.106	559.146	-
9	39	7.600	7.372	1.392	70.388	68.868	570.388	-
10	40	7.600	7.372	1.447	82.490	82.490	582.490	-
11	41	7.600	7.372	1.507	95.480	95.480	595.480	-
12	42	7.600	7.372	1.572	109.440	109.440	609.440	-
13	43	7.600	7.372	1.638	124.450	124.450	624.450	-
14	44	7.600	7.372	1.752	140.570	140.570	640.570	-
15	45	7.600	7.372	1.867	157.830	157.830	657.830	-
16	46	7.600	7.372	2.042	176.290	176.290	676.290	-
17	47	7.600	7.372	2.255	196.004	196.004	696.004	-
18	48	7.600	7.372	2.495	217.090	217.090	717.090	-
19	49	7.600	7.372	2.746	239.555	239.555	739.555	-
20	50	7.600	7.372	3.014	263.539	263.539	763.539	-
25	55	-	-	4.058	365.035	365.035	763.539	-

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/Năm**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi tử vong	Rút tiền mặt
30	60	-	-	4.044	510.765	510.765	763.539	-
31	61	-	-	3.801	547.659	547.659	763.539	-
35	65	-	-	1.586	732.516	732.516	763.539	-
39	69	-	-	300	995.065	995.065	995.065	-
40	70	-	-	300	1.074.358	1.074.358	1.074.358	-
45	75	-	-	300	1.577.082	1.577.082	1.577.082	-
50	80	-	-	300	2.316.392	2.316.392	2.316.392	-
55	85	-	-	300	3.402.422	3.402.422	3.402.422	-
60	90	-	-	300	4.998.493	4.998.493	4.998.493	-
65	95	-	-	300	7.344.139	7.344.139	7.344.139	-
69	99	-	-	300	9.992.318	9.992.318	9.992.318	-

**TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:**

<b>Tổng số năm đóng phí:</b>	20 năm	<b>Tổng số phí đóng:</b>	152.000.000 đồng
<b>Tổng số lần rút tiền mặt:</b>	-	<b>Tổng số tiền mặt rút ra:</b>	-
<b>Số tiền nhận khi đáo hạn:</b>	9.992.318.000 đồng		

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/Năm**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi tử vong	Rút tiền mặt
1	31	7.600	1.900	993	989	-	500.989	-
2	32	7.600	6.612	1.015	7.010	-	507.010	-
3	33	7.600	6.840	1.048	13.599	5.999	513.599	-
4	34	7.600	7.068	1.097	20.775	13.175	520.775	-
5	35	7.600	7.144	1.152	28.405	20.805	528.405	-
6	36	7.600	7.296	1.212	36.598	30.518	536.598	-
7	37	7.600	7.372	1.266	45.302	40.742	545.302	-
8	38	7.600	7.372	1.337	54.454	51.414	554.454	-
9	39	7.600	7.372	1.392	64.098	62.578	564.098	-
10	40	7.600	7.372	1.447	74.277	74.277	574.277	-
11	41	7.600	7.372	1.507	84.993	84.993	584.993	-
12	42	7.600	7.372	1.572	96.284	96.284	596.284	-
13	43	7.600	7.372	1.638	108.186	108.186	608.186	-
14	44	7.600	7.372	1.752	120.702	120.702	620.702	-
15	45	7.600	7.372	1.867	133.831	133.831	633.831	-
16	46	7.600	7.372	2.042	147.568	147.568	647.568	-
17	47	7.600	7.372	2.255	161.909	161.909	661.909	-
18	48	7.600	7.372	2.495	176.891	176.891	676.891	-
19	49	7.600	7.372	2.746	192.485	192.485	692.485	-
20	50	7.600	7.372	3.014	208.737	208.737	708.737	-
25	55	-	-	4.479	257.087	257.087	708.737	-
30	60	-	-	5.847	313.130	313.130	708.737	-

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/Năm**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi tử vong	Rút tiền mặt
31	61	-	-	6.082	325.639	325.639	708.737	-
35	65	-	-	7.521	379.970	379.970	708.737	-
39	69	-	-	9.107	441.353	441.353	708.737	-
40	70	-	-	9.410	458.120	458.120	708.737	-
45	75	-	-	9.587	556.254	556.254	708.737	-
50	80	-	-	2.347	706.706	706.706	708.737	-
55	85	-	-	300	944.115	944.115	944.115	-
60	90	-	-	300	1.261.895	1.261.895	1.261.895	-
65	95	-	-	300	1.687.224	1.687.224	1.687.224	-
69	99	-	-	300	2.129.067	2.129.067	2.129.067	-

**TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:**

<b>Tổng số năm đóng phí:</b>	20 năm	<b>Tổng số phí đóng:</b>	152.000.000 đồng
<b>Tổng số lần rút tiền mặt:</b>	-	<b>Tổng số tiền mặt rút ra:</b>	-
<b>Số tiền nhận khi đáo hạn:</b>	2.129.067.000 đồng		

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT ĐẢM BẢO**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi tử vong	Rút tiền mặt
1	31	7.600	1.900	993	961	-	500.961	-
2	32	7.600	6.612	1.015	6.840	-	506.840	-
3	33	7.600	6.840	1.048	13.157	5.557	513.157	-
4	34	7.600	7.068	1.097	19.913	12.313	519.913	-
5	35	7.600	7.144	1.152	26.963	19.363	526.963	-
6	36	7.600	7.296	1.212	34.058	27.978	534.058	-
7	37	7.600	7.372	1.266	41.386	36.826	541.386	-
8	38	7.600	7.372	1.337	48.861	45.821	548.861	-
9	39	7.600	7.372	1.392	56.506	54.986	556.506	-
10	40	7.600	7.372	1.447	64.330	64.330	564.330	-
11	41	7.600	7.372	1.507	71.613	71.613	571.613	-
12	42	7.600	7.372	1.572	78.975	78.975	578.975	-
13	43	7.600	7.372	1.638	86.419	86.419	586.419	-
14	44	7.600	7.372	1.752	93.901	93.901	593.901	-
15	45	7.600	7.372	1.867	101.411	101.411	601.411	-
16	46	7.600	7.372	2.042	108.895	108.895	608.895	-
17	47	7.600	7.372	2.255	116.313	116.313	616.313	-
18	48	7.600	7.372	2.495	123.644	123.644	623.644	-
19	49	7.600	7.372	2.746	130.860	130.860	630.860	-
20	50	7.600	7.372	3.014	137.951	137.951	637.951	-
25	55	-	-	4.922	130.956	130.956	637.951	-
30	60	-	-	7.533	110.653	110.653	637.951	-



**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT ĐẢM BẢO**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi tử vong	Rút tiền mặt
31	61	-	-	8.160	104.618	104.618	637.951	-
35	65	-	-	12.374	69.332	69.332	637.951	-
39	69	-	-	20.139	4.936	4.936	637.951	-
40	70	<i>Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn 0 đồng</i>						

**Bằng việc ký tên dưới đây, tôi/chúng tôi xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, cũng như đã được Đại diện Kinh doanh ký tên dưới đây tư vấn.**

- ✓ Hiểu rõ tính chất sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Ưu việt 2013 cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Nhận thức rõ Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư khi tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Ưu việt 2013.
- ✓ Ý thức rằng việc tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời là một cam kết dài hạn và việc từ bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Bên mua Bảo hiểm phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Tài liệu minh họa này chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là Hợp đồng Bảo hiểm hay Đề nghị giao kết Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tài liệu minh họa sẽ không có giá trị nếu không có đủ số trang đã nêu.

\_\_\_\_\_

Bên mua Bảo hiểm

*(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)*

\_\_\_\_\_

Chữ ký

\_\_\_\_\_

Ngày/tháng/năm

Tôi xác nhận chữ ký trên đây được Bên mua Bảo hiểm ghi trong Tài liệu minh họa này ký trước sự chứng kiến của tôi.

\_\_\_\_\_

ĐDKD tư vấn

\_\_\_\_\_

Mã số ĐDKD

\_\_\_\_\_

Chữ ký

\_\_\_\_\_

Ngày/tháng/năm

(\*) **GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN**

- **Phí BH cơ bản** Phí bảo hiểm tối thiểu mà BMBH phải đóng trong Năm hợp đồng đầu tiên.
- **Phí BH dự kiến đóng theo kỳ** Khoản phí mà BMBH dự kiến đóng theo kỳ phí xác định cho mỗi Năm hợp đồng.
- **Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung** Số tiền đóng vào HĐBH sau khi trừ đi Phí ban đầu sẽ vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) và nhập vào Quỹ Liên kết chung để đầu tư.
- **Phí ban đầu** Khoản phí được khấu trừ từ Số tiền thực đóng tại thời điểm BMBH đóng phí và được xác định theo tỷ lệ:

Năm hợp đồng	% của Phí BH cơ bản	% của phí đóng vượt quá Phí BH cơ bản
1	75%	13%
2	13%	10%
3	10%	7%
4	7%	7%
5	6%	6%
6	4%	4%
7+	3%	3%

- **Khoản Khấu trừ hàng tháng** Khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHD (bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng).  
*Phí bảo hiểm rủi ro là khoản phí được tính toán dựa trên cơ sở rủi ro tự vong của NDBH. Phí quản lý hợp đồng là khoản phí để thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực hợp đồng. Phí quản lý hợp đồng hiện tại là hai mươi lăm nghìn (25.000) đồng và có thể được điều chỉnh nhưng không quá một trăm nghìn (100.000) đồng.*
- **Phí quản lý quỹ** Khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động quản lý Quỹ Liên kết chung, được khấu trừ từ tỷ suất lợi nhuận đầu tư dự kiến của Quỹ Liên kết chung trước khi công bố lãi suất áp dụng cho GTTKHD. Phí quản lý quỹ hiện tại là 2% /năm và có thể thay đổi nếu được Bộ Tài chính chấp thuận nhưng không quá 2,5% /năm.
- **Giá trị Hoàn lại** Là số tiền mà BMBH sẽ nhận khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm. Giá trị Hoàn lại được xác định là GTTKHD trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng, các Khoản tạm ứng và Phí tạm ứng (nếu có).
- **Phí chấm dứt hợp đồng** Được tính bằng tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản tại thời điểm yêu cầu chấm dứt và được quy định như sau:

Năm hợp đồng	1 - 5	6	7	8	9	10+
% của Phí BH cơ bản	100%	80%	60%	40%	20%	0%
- **Phí điều chỉnh tăng Mệnh giá Sản phẩm** Là khoản phí để thực hiện các công việc cho việc điều chỉnh tăng Mệnh giá Sản phẩm chính, được xác định cố định ba trăm hai mươi (320) nghìn đồng/lần và có thể được điều chỉnh nhưng không quá một (1) triệu đồng/lần.

## GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

**Quyền lợi tử vong:** khi HĐBH có tham gia SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH, sản phẩm bảo hiểm bổ sung *BẢO HIỂM TỬ KỲ ĐẾN TUỔI 55/60/65, BẢO HIỂM TỬ VONG VÀ BỆNH HIỂM NGHÈO, BẢO HIỂM TỬ VONG VÀ TÀN TẬT DO TAI NẠN, BẢO HIỂM TỬ VONG DO TAI NẠN*

- Trường hợp NĐBH tử vong do tự nhiên hoặc tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận Mệnh giá Sản phẩm chính cộng với GTTKHD nếu Sản phẩm bảo hiểm chính chưa được chuyển đổi và *100% Mệnh giá* sản phẩm *BẢO HIỂM TỬ KỲ ĐẾN TUỔI 55/60/65, 100% Mệnh giá* sản phẩm *BẢO HIỂM TỬ VONG VÀ BỆNH HIỂM NGHÈO*, nếu có tham gia.
- Trường hợp NĐBH tử vong do tai nạn thì bên cạnh quyền lợi tử vong nêu trên, Người thụ hưởng còn nhận thêm *100% Mệnh giá* sản phẩm *BẢO HIỂM TỬ VONG VÀ TÀN TẬT DO TAI NẠN, 100% Mệnh giá* sản phẩm *BẢO HIỂM TỬ VONG DO TAI NẠN*, nếu có tham gia.

**Quyền lợi thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (QLTTTBVVV):** khi HĐBH có tham gia sản phẩm bảo hiểm bổ sung *BẢO HIỂM TỬ KỲ ĐẾN TUỔI 55/60/65, BẢO HIỂM TỬ VONG VÀ BỆNH HIỂM NGHÈO, BẢO HIỂM TỬ VONG VÀ TÀN TẬT DO TAI NẠN*

- Trường hợp NĐBH bị mất hoàn toàn và vĩnh viễn chức năng của 2 chi, hoặc 2 mắt, hoặc 1 chi và 1 mắt do bệnh hoặc tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận *100% Mệnh giá* sản phẩm *BẢO HIỂM TỬ KỲ ĐẾN TUỔI 55/60/65, 100% Mệnh giá* sản phẩm *BẢO HIỂM TỬ VONG VÀ BỆNH HIỂM NGHÈO*, nếu có tham gia.
- Trường hợp NĐBH bị mất hoàn toàn và vĩnh viễn chức năng của 2 chi, hoặc 2 mắt, hoặc 1 chi và 1 mắt do tai nạn và có tham gia sản phẩm *BẢO HIỂM TỬ VONG VÀ TÀN TẬT DO TAI NẠN* thì bên cạnh QLTTTBVVV nêu trên, Người thụ hưởng còn nhận thêm *100% Mệnh giá* sản phẩm *BẢO HIỂM TỬ VONG VÀ TÀN TẬT DO TAI NẠN*.

**Quyền lợi thương tật do Tai nạn:** khi HĐBH có sản phẩm bảo hiểm bổ sung *BẢO HIỂM TỬ VONG VÀ TÀN TẬT DO TAI NẠN*

- Trường hợp NĐBH bị mất hoàn toàn chức năng của một bộ phận cơ thể do tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận tỷ lệ phần trăm tương ứng Mệnh giá sản phẩm tham gia.

**Quyền lợi mắc Bệnh hiểm nghèo:** khi HĐBH có sản phẩm bảo hiểm bổ sung *BẢO HIỂM TỬ VONG VÀ BỆNH HIỂM NGHÈO*

- Trường hợp NĐBH mắc Bệnh hiểm nghèo theo quy định, Người thụ hưởng sẽ nhận *100% Mệnh giá* sản phẩm tham gia.

**Quyền lợi hỗ trợ nằm viện:** khi HĐBH có sản phẩm bảo hiểm bổ sung *BẢO HIỂM HỖ TRỢ NÀM VIỆN*

- Trường hợp NĐBH nằm viện Phẫu thuật hoặc điều trị tại Khoa hồi sức tích cực, Người thụ hưởng sẽ nhận *100% Mệnh giá* sản phẩm tham gia cho mỗi Ngày nằm viện(\*).

(\*). Số tiền Bảo hiểm tối đa chi trả cho mỗi lần nằm viện tại Trung tâm Y tế là *5 lần Mệnh giá* sản phẩm tham gia.

## GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ - QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

### **1. Quyền lợi khi Hợp đồng Bảo hiểm đáo hạn**

Chubb Life sẽ chi trả GTTKHĐ vào Ngày đáo hạn Hợp đồng Bảo hiểm nếu Hợp đồng Bảo hiểm còn hiệu lực vào Ngày đáo hạn.

### **2. Quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung**

BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Quyền lợi này sẽ được đưa vào GTTKHĐ dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố.

### **3. Quyền tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại**

BMBH có thể yêu cầu tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại sau khi Hợp đồng Bảo hiểm có hiệu lực một (01) năm và có Giá trị Hoàn lại. Chubb Life sẽ áp dụng Phí tạm ứng trên các khoản tạm ứng. Phí tạm ứng được xác định bằng tích số của lãi suất tạm ứng, Khoản tạm ứng và thời gian tạm ứng. Lãi suất tạm ứng tối đa bằng lãi suất tính lãi trên GTTKHĐ cộng với 6% hoặc 150% của lãi suất tính lãi trên GTTKHĐ, giá trị nào lớn hơn sẽ được áp dụng.

### **4. Rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng**

BMBH có thể rút tiền mặt từ GTTKHĐ sau khi Hợp đồng Bảo hiểm có hiệu lực một (01) năm và có Giá trị Hoàn lại. Sau khi BMBH rút một phần GTTKHĐ, Mệnh giá Sản phẩm chính sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản tiền mặt đã rút nếu Sản phẩm bảo hiểm chính đã được chuyển đổi. BMBH phải chịu khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu rút tiền từ GTTKHĐ, được xác định theo Tỷ lệ phần trăm của Phí chấm dứt hợp đồng tương ứng với khoản tiền rút ra (Phí rút một phần GTTKHĐ).

### **5. Chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm**

BMBH có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm để nhận Giá trị Hoàn lại.

## GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI KHÁC

### **Quyền lợi thanh toán trước một phần Quyền lợi tử vong:**

- Trường hợp NĐBH được Bác sĩ của một cơ sở y tế có thẩm quyền tiên lượng sẽ tử vong trong vòng 12 tháng kể từ ngày chẩn đoán bệnh, Người thụ hưởng có thể yêu cầu thanh toán trước một phần Quyền lợi tử vong tối thiểu là 50 triệu đồng, tối đa bằng 50% Mệnh giá Sản phẩm nhưng không vượt quá 500 triệu đồng. Nếu Chubb Life chấp thuận thanh toán quyền lợi này, Người thụ hưởng sẽ nhận 90% của khoản tiền yêu cầu thanh toán trước, 10% còn lại Chubb Life sẽ giữ lại để chi trả các chi phí liên quan đến việc giải quyết yêu cầu. Nếu NĐBH tử vong trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chubb Life chấp thuận thanh toán quyền lợi này, Chubb Life sẽ hoàn trả lại toàn bộ khoản tiền giữ lại nêu trên.